

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **871** /QĐ-UBND

*Đắk Nông, ngày 26 tháng 5 năm 2017*

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc điều chỉnh Quyết định số 1072/QĐ-UBND ngày 23/7/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành Công trình: Ba tuyến đường giao thông khu vực Trường phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh Đắk Nông**

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK NÔNG**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 83/2009/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2009 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 112/2009/NĐ-CP ngày 14 tháng 12 năm 2009 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;

Căn cứ Thông tư số 09/2016/TT-BTC ngày 18 tháng 01 năm 2016 của Bộ Tài chính quy định về quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 1072/QĐ-UBND ngày 23/7/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành Công trình: Ba tuyến đường giao thông khu vực Trường phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Quyết định số 864/QĐ-UBND ngày 16/6/2015 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc điều chỉnh Điểm b, Khoản 1, Điều 3 tại Quyết định số 1072/QĐ-UBND ngày 23/7/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tỉnh Đắk Nông tại Tờ trình số 101/TTr-STC ngày 17 tháng 5 năm 2017,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Điều chỉnh Quyết định số 1072/QĐ-UBND ngày 23/7/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành Công trình: Ba tuyến đường giao thông khu vực Trường phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh Đắk Nông, cụ thể như sau:

1. Khoản 1 Điều 2: Nguồn vốn đầu tư.

1.1. Khoản 1 Điều 2 (cũ):

Đơn vị tính: Đồng.

Nguồn	Được duyệt	Thực hiện	
		Đã thanh toán	Còn được thanh toán
<b>Tổng số</b>	<b>15.544.308.000</b>	<b>15.519.722.000</b>	<b>24.586.000</b>
- Vốn ngân sách nhà nước	15.544.308.000	15.519.722.000	24.586.000
- Vốn khác			

1.2. Khoản 1 Điều 2 (mới):

Đơn vị tính: Đồng.

Nguồn	Được duyệt	Thực hiện	
		Đã thanh toán	Còn được thanh toán
<b>Tổng số</b>	<b>15.665.179.000</b>	<b>15.667.593.000</b>	<b>2.414.000</b>
- Vốn ngân sách nhà nước	15.665.179.000	15.667.593.000	2.414.000
- Vốn khác			

2. Khoản 2, Điều 2: Chi phí đầu tư.

2.1. Khoản 2, Điều 2 (cũ):

Nội dung	Tổng dự toán được duyệt	Chi phí đầu tư được quyết toán
<b>Tổng số</b>	<b>15.719.874.000</b>	<b>15.544.308.000</b>
- Chi phí xây dựng	10.072.666.000	10.022.710.000
- Chi phí quản lý dự án	206.856.000	205.830.000
- Chi phí tư vấn	605.178.000	567.791.000
- Chi phí khác	205.718.000	187.547.000
- Chi phí bồi thường, hỗ trợ	4.624.508.000	4.560.430.000
- Chi phí dự phòng	4.948.000	

Tổng số chi phí đầu tư được quyết toán là 15.544.308.000 đồng (Mười lăm tỷ, năm trăm bốn mươi bốn triệu, ba trăm lẻ tám nghìn đồng).

2.1. Khoản 2, Điều 2 (mới):

Nội dung	Tổng dự toán được duyệt	Chi phí đầu tư được quyết toán
<b>Tổng số</b>	<b>15.719.874.000</b>	<b>15.665.179.000</b>
- Chi phí xây dựng	10.072.666.000	10.022.710.000
- Chi phí quản lý dự án	206.856.000	205.830.000
- Chi phí tư vấn	605.178.000	567.791.000
- Chi phí khác	205.718.000	187.547.000
- Chi phí bồi thường, hỗ trợ	4.624.508.000	4.681.301.000
- Chi phí dự phòng	4.948.000	



Tổng số chi phí đầu tư được quyết toán (bằng chữ): Mười lăm tỷ, sáu trăm sáu mươi lăm triệu, một trăm bảy mươi chín nghìn đồng.

3. Khoản 4, Điều 2: Giá trị tài sản hình thành qua đầu tư.

3.1. Khoản 4, Điều 2 (cũ):

Đơn vị tính: Đồng.

Nội dung	Thuộc Chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
<b>Tổng số</b>	<b>15.544.308.000</b>			
- Tài sản cố định	15.544.308.000			
- Tài sản lưu động				

3.1. Khoản 4, Điều 2 (mới):

Đơn vị tính: Đồng.

Nội dung	Thuộc Chủ đầu tư quản lý		Giao đơn vị khác quản lý	
	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi	Giá trị thực tế	Giá trị quy đổi
<b>Tổng số</b>	<b>15.665.179.000</b>			
- Tài sản cố định	15.665.179.000			
- Tài sản lưu động				

4. Khoản 1, Điều 3: Trách nhiệm của Chủ đầu tư.

4.1. Khoản 1, Điều 3 (cũ):

a) Được phép tất toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

Đơn vị tính: Đồng.

Nguồn	Số tiền	Ghi chú
<b>Tổng số</b>	<b>15.544.308.000</b>	
- Vốn ngân sách nhà nước	15.544.308.000	
- Vốn khác		

b) Tình hình thanh toán, cấp phát và công nợ tính đến ngày 09/01/2013, ngày khóa sổ lập báo cáo quyết toán:

**\* Lũy kế thanh toán, cấp phát : 15.583.235.000 đồng.**

Trong đó:

- Chi phí xây dựng : 10.022.710.000 đồng.  
 - Chi phí quản lý dự án : 205.830.000 đồng.  
 - Chi phí tư vấn xây dựng : 606.869.000 đồng.  
 - Chi phí khác : 162.963.000 đồng.  
 - Chi phí bồi thường, hỗ trợ : 4.521.350.000 đồng.

**\* Tình hình công nợ tính đến ngày khoá sổ lập báo cáo quyết toán:**

- Số phải trả : 24.586.000 đồng.

Trong đó:

+ Chi phí khác : 24.586.000 đồng.

- Số phải thu : 0 đồng.

c) Chịu trách nhiệm về tính chính xác đối với số liệu, tính pháp lý của hồ sơ, chứng từ đã cung cấp để thẩm tra, phê duyệt quyết toán dự án này.

**4.2. Khoản 1, Điều 3 (mới):**

a) Được phép tắt toán nguồn và chi phí đầu tư công trình là:

Đơn vị tính: đồng

<b>Nguồn</b>	<b>Số tiền</b>	<b>Ghi chú</b>
<b>Tổng số</b>	<b>15.665.179.000</b>	
- Vốn ngân sách nhà nước	15.665.179.000	
- Vốn khác		

b) Tình hình công nợ tính đến ngày 01/11/2016 (ngày khoá sổ lập báo cáo quyết toán):

\* Số phải trả : 4.986.000 đồng.

\* Số phải thu : 7.400.000 đồng.

(Có phụ lục chi tiết đính kèm).

c) Chủ đầu tư chịu trách nhiệm trước pháp luật, cơ quan thẩm tra quyết toán về tính pháp lý của hồ sơ quyết toán và tính đúng đắn của số liệu đề nghị quyết toán; tính chính xác của khối lượng do chủ đầu tư và nhà thầu, đơn vị tư vấn giám sát nghiệm thu đưa vào báo cáo quyết toán; tính phù hợp của đơn giá do chủ đầu tư và nhà thầu đã thống nhất ghi trong hợp đồng và chất lượng công trình.

**5. Khoản 2, Điều 3: Trách nhiệm của Chủ đầu tư.**

5.1. Khoản 2, Điều 3 (cũ): Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản.

Đơn vị tính: Đồng.

<b>Tên đơn vị tiếp nhận tài sản</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>Tài sản lưu động</b>
<b>Tổng số</b>	<b>15.544.308.000</b>	
Sở Giao thông vận tải	15.544.308.000	

5.1. Khoản 2, Điều 3 (mới): Trách nhiệm của đơn vị tiếp nhận tài sản: Được phép ghi tăng tài sản.

Đơn vị tính: Đồng.

<b>Tên đơn vị tiếp nhận tài sản</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>Tài sản lưu động</b>
<b>Tổng số</b>	<b>15.665.179.000</b>	
Sở Giao thông vận tải	15.665.179.000	

**Điều 2.** Các nội dung khác thực hiện theo Quyết định số 1072/QĐ-UBND ngày 23/7/2014 của Chủ tịch UBND tỉnh Đắk Nông.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải; Giám đốc Kho bạc Nhà nước Đắk Nông và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.!

*Nơi nhận:*

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KTKH (Va).

05

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Bôn**



Phụ lục

**CHI TIẾT TÌNH HÌNH CÔNG NỢ**

**Công trình: Ba tuyến đường giao thông khu vực Trường phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh Đắk Nông**  
(Kèm theo Quyết định số **81** /QĐ-UBND ngày **26** tháng 5 năm 2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh)

Đơn vị tính: Đồng.

STT	Khoản mục chi phí	Giá trị quyết toán	Số đã thanh toán	Công nợ	
				Nợ phải trả	Số phải thu
	<b>Tổng số</b>	<b>15.665.179.000</b>	<b>15.667.593.000</b>	<b>4.986.000</b>	<b>7.400.000</b>
<b>I</b>	<b>Chi phí xây dựng</b>	<b>10.022.710.000</b>	<b>10.022.710.000</b>	-	
1	Chi phí xây dựng	10.022.710.000	10.022.710.000	-	
<b>II</b>	<b>Chi phí quản lý dự án</b>	<b>205.830.000</b>	<b>205.830.000</b>	-	
<b>III</b>	<b>Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng</b>	<b>567.791.000</b>	<b>567.791.000</b>	-	
1	Chi phí khảo sát, lập dự án đầu tư	87.576.000	87.576.000	-	
2	Chi phí khảo sát, lập TKBVTC-DT	196.268.000	196.268.000	-	
3	Chi phí lựa chọn nhà thầu	21.386.000	21.386.000	-	
4	Chi phí sản xuất cấm mốc giải phóng mặt bằng	29.123.000	29.123.000	-	
5	Chi phí giám sát thi công xây dựng	233.438.000	233.438.000	-	
<b>IV</b>	<b>Chi phí khác</b>	<b>187.547.000</b>	<b>182.563.000</b>	<b>4.984.000</b>	
1	Chi phí bảo hiểm công trình	18.732.000	18.732.000		
2	Lệ phí thẩm định TKKT-DT	8.000.000	8.000.000		
3	Chi phí rà phá bom mìn, vật liệu nổ	102.577.000	97.593.000	4.984.000	
4	Chi phí thẩm tra, phê duyệt quyết toán	19.600.000	19.600.000		
5	Chi phí kiểm toán	38.638.000	38.638.000		
<b>V</b>	<b>Chi phí giải phóng mặt bằng</b>	<b>4.681.301.000</b>	<b>4.688.699.000</b>	<b>2.000</b>	<b>7.400.000</b>
1	Chi phí bồi thường	4.560.430.000	4.560.428.000	2.000	
2	Chi phí bồi thường (bổ sung)	120.871.000	128.271.000		7.400.000